TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 25-7-2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-8-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bạch Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-7-2024, biên bản hòa giải ngày 15-8-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Bạch Thị M trình bày chị và anh Nguyễn Thanh P tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 02-11-2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Giấy chứng nhận kết hôn số 156). Vợ chồng chung sống có bất đồng ý kiến, mâu thuẫn về tiền bạc, không hòa hợp về tính tình, quan điểm sống và đã sống ly thân từ ngày 02-7-2024, cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được, nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Về con chung, giữa chị và anh P có một con chung tên Nguyễn Đức P1 (sinh ngày 16-02-2023) vốn được chị, anh P chăm sóc và cùng sinh sống tại ấp T, xã T, huyện M, nhưng khi chị ly thân với anh P từ ngày 02-7-2024 thì chị về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã M, huyện M sống, cháu P1 tiếp tục sống cùng anh P, chị thường xuyên đến thăm con chung mỗi tuần; khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng, nhưng nay chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Hiện chị làm nhân viên của Công ty TNHH S (TOSHIBA) với mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng, chị đi làm - về nhà mỗi ngày, do đó chị có đủ điều kiện kinh tế và sắp xếp được thời gian trực tiếp chăm sóc con chung. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-8-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày anh và chị M tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M như chị M trình bày. Cuộc sống vợ chồng đôi khi cũng có những mâu thuẫn nhưng không lớn, chủ yếu mâu thuẫn do khi con bệnh chị M không chăm sóc con, còn mâu thuẫn tiền bạc thì do chị M không đồng ý mở một tài khoản riêng cho con như anh yêu cầu. Chị M yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý, do anh vẫn còn yêu thương vợ con, nhưng tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị M. Anh và chị M có một con chung tên Nguyễn Đức P1 (sinh ngày 16-02-2023), từ khi sinh ra con chung vốn sống cùng vợ chồng anh tại nhà anh ở ấp T, xã T, huyện M, nhưng từ ngày 02-7-2024 chị M về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã M, huyện M sống, cháu P1 sống với anh, chị M có đến thăm con chung và không bị ai cản trở, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Hiện anh làm nhân viên của Công ty cổ phần T với mức thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, anh đi làm - về nhà mỗi ngày, do đó anh có đủ điều kiện kinh tế và sắp xếp được thời gian trực tiếp chăm sóc con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh thống như chị M là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con; bị đơn đồng ý thuận tình ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng cho con; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn: Về hôn nhân cho chị Bạch Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P; về con chung, giao cháu Nguyễn Đức P1 cho chị Bạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Nguyễn Thanh P không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của chị M là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn anh P cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 02-11-2022 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn, tại phiên tòa anh P đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh P.

[3] Về con chung: Chị M và anh P thống nhất trình bày có một con chung tên Nguyễn Đức P1 (sinh ngày 16-02-2023) vốn sống cùng anh chị tại ấp T, xã T, huyện M; sau khi ly thân với anh P (từ ngày 02-7-2024) thì chị M về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã M, huyện M sống và đến thăm nom, chăm sóc con chung không bị ai cản trở. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Qua xác minh địa phương nơi cháu Nguyễn Đức P1 đang sống thể hiện cháu đang được anh P và cha mẹ của anh trực tiếp chăm sóc, có sức khỏe tốt, chị M đến thăm nom con chung không bị cản trở (bút lục số 36-38). Nhận thấy, hiện cháu P1 chỉ mới 19 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Trong vụ án, chị M và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không có thỏa thuận nào khác; hiện chị M và anh P đều có công việc làm có thu nhập, thể hiện có điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc tốt cho con; tuy nhiên, về nguyên tắc "*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi"* theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình như đã phân tích trên và hiện chị M không thuộc trường

hợp *"người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"*, cũng như thấy rằng sau khi ly thân với anh P từ ngày 02-7-2024 đến nay thì chị không bỏ mặt anh P tự chăm sóc con chung mà vẫn đến thăm nom, cùng chăm sóc con chung; bên cạnh đó, hiện cháu P1 chỉ mới 19 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Đức P1 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị M, anh P, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu anh P có đủ căn cứ cho rằng chị M không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí thuận tình ly hôn tại phiên tòa chị M và anh P phải cùng chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bạch Thị M về ly hôn, tranh chấp nuôi con:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bạch Thị M và anh Nguyễn Thanh P (Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 02-11-2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức P1 (sinh ngày 16-02-2023) cho chị Bạch Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; anh Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Chị Bạch Thị M không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bạch Thị M và anh Nguyễn Thanh P không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Án phí thuận tình ly hôn tại phiên tòa 300.000 đồng:

- Chị Bạch Thị M phải chịu 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005574 ngày 17-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, hoàn trả cho chị Bạch Thị M số tiền 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án trên.

- Buộc anh Nguyễn Thanh P phải chịu 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Uỷ ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Kim Nhẫn